

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	1812219522	Bùi Thị Huyền	N18KDN2	8	6.5	6	7		6.5	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	BSD,
2	1812219549	Mai Thị Tuyết	Nga	N18KDN2	8	5	5	6	5.3	5.2	5.5	Năm phẩy Năm	BSD,
3	1813219616	Phạm Thanh	Tùng	N18KDN3	7	5	5.5	6	5.5	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	BSD,
4	1813119353	Bùi Văn	Hà	N18TPM1	7	6	6	7	6.3	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	BSD,
5	1813119380	Nguyễn Duy	Hưng	N18TPM1	6	8	8	7	7.7	0.0	0.0	Không	BSD, LP
6	1813119428	Trần Bá	Quang	N18TPM2	8	6	5	7	6.0	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	BSD,
7	1813119431	Phạm Văn	Quý	N18TPM2	7	5	6	6	5.7	0.0	0.0	Không	BSD, LP
8	1813119335	Nguyễn Mạnh	Cường	N18TPM3	6	5	5	5	5.0	6.0	5.7	Năm phẩy Bảy	BSD,
9	1813119392	Mai Văn	Linh	N18TPM3	6	5	5	5.5	5.2	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	BSD,
10	1813119406	Trần Xuân	Ngọc	N18TPM3	7	6	8	9	7.7	0.0	0.0	Không	BSD, LP
11	1813119397	Phạm Hoàng	Minh	N18TPM4	8	7	8	9	8.0	0.0	0.0	Không	BSD, LP

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	7	64%	
2	Số sinh viên nợ	4	36%	
TỔNG CỘNG :		11	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 09 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân